

Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
KCN P8, Tp.Cà Mau, Cà Mau
ĐT: 08. 3930 9631 Fax: 08.3930 9625
Số: 12/2013/MPC

V/v: Thay file BCTC hợp nhất quý 4-2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Cà mau, ngày 26 tháng 02 năm 2013

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (MPC) xin gửi lời chào trân trọng tới quý cơ quan.

Chúng tôi đã gửi báo cáo tài chính hợp nhất Q4-2012 và báo cáo đã được đăng lên website của Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại, chúng tôi thấy có sai sót trong file đã gửi đi do lỗi đánh máy và scan file.

Bằng văn bản này, chúng tôi xin đổi lại file đã công bố thông tin bằng file mới.

Rất mong được sự chấp thuận từ quý Sở.

Trân trọng.

TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Xuân Toán

(Theo giấy ủy quyền CBTT số: 01/UQCK.MPC.2010 do
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc ký)

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THUỶ SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		4,468,132,638,729	4,269,271,984,792
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	1,305,258,109,263	1,092,050,143,361
1. Tiền		111		41,485,118,507	107,660,976,207
2. Các khoản tương đương tiền		112		1,263,772,990,756	984,389,167,154
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		134,170,926,332	79,837,226,370
1. Đầu tư ngắn hạn		121		143,953,206,332	89,761,306,370
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		(9,782,280,000)	(9,924,080,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		583,065,737,685	472,712,160,466
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	547,600,733,908	440,462,646,656
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	23,027,573,930	26,649,799,035
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	22,535,411,927	19,018,384,867
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		(10,097,982,080)	(13,418,670,092)
IV. Hàng tồn kho		140		2,286,612,806,534	2,408,809,317,557
1. Hàng tồn kho		141	V.5	2,299,361,941,198	2,462,562,328,071
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(12,749,134,664)	(53,753,010,514)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		159,025,058,915	215,863,137,038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		1,495,455,602	3,358,294,400
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		95,746,030,234	155,420,150,276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.6	8,942,525,760	8,763,287,256
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.7	52,841,047,319	48,321,405,106

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,876,085,431,965	2,056,194,027,466
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		112,489,382,844	92,225,592,536
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.8	112,489,382,844	92,225,592,536
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1,643,974,766,416	1,648,678,615,293
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1,305,372,190,266	1,323,306,403,936
	<i>Nguyên giá</i>	222		1,690,378,475,619	1,561,336,531,019
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(385,006,285,353)	(238,030,127,083)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	84,418,573,509	57,062,190,693
	<i>Nguyên giá</i>	228		89,650,891,883	60,896,179,479
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,232,318,374)	(3,833,988,786)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	254,184,002,641	268,310,020,664
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9,068,753,530	160,168,753,530
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,180,000,000	2,180,000,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	7,000,000,000	207,000,000,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(111,246,470)	(49,011,246,470)
V.	Lợi thế thương mại	260		16,731,518,186	19,820,413,886
V.	Tài sản dài hạn khác	270		93,821,010,989	135,300,652,221
1.	Chi phí trả trước dài hạn	271	V.13	91,057,013,097	105,904,990,453
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14	2,762,783,923	24,839,504,113
3.	Tài sản dài hạn khác	273	V.15	1,213,969	4,556,157,655
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		6,344,218,070,694	6,325,466,012,258



Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		4,711,874,474,246	4,707,852,603,427
I. Nợ ngắn hạn		310		3,879,418,480,759	3,565,128,372,484
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	3,451,918,399,524	2,936,239,690,612
2. Phải trả người bán		312	V.17	139,648,033,536	313,623,931,737
3. Người mua trả tiền trước		313	V.18	17,800,938,307	7,607,282,515
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.19	27,480,849,147	64,218,324,764
5. Phải trả người lao động		315	V.20	38,688,257,921	52,666,140,501
6. Chi phí phải trả		316	V.21	75,781,654,367	91,187,673,067
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	38,683,763,924	35,041,880,688
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		89,416,584,032	64,543,448,600
II. Nợ dài hạn		330		832,455,993,487	1,142,724,230,943
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.23	828,799,101,998	1,129,764,991,861
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	9,248,315,394
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		3,656,891,489	3,710,923,688
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		1,560,503,724,457	1,538,891,403,059
I. Vốn chủ sở hữu		410		1,560,503,724,457	1,538,891,403,059
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.24	700,000,000,000	700,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		177,876,869,236	177,876,869,236
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		89,159,243,547	88,506,239,451
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		58,797,709,758	41,298,066,764
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		13,769,908,805	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.24	520,899,993,111	531,210,227,608
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		500		71,839,871,991	78,722,005,772
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		6,344,218,070,694	6,325,466,012,258



Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại (USD)		830,251	1,244,562.07
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Điệp



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV-2012		Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
				Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	2,130,717,443,266	2,157,981,529,849	7,845,863,103,737	7,083,660,612,588
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	9,125,707,184	2,300,462,884	47,653,427,418	45,134,289,780
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	2,121,591,736,082	2,155,681,066,965	7,798,209,676,319	7,038,526,322,808
4.	Giá vốn hàng bán	11	VL2	1,886,814,940,654	1,848,307,882,924	6,811,754,087,325	5,989,259,197,437
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		234,776,795,428	307,373,184,041	986,455,588,994	1,049,267,125,371
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	17,739,263,344	24,702,428,275	66,750,848,622	99,386,100,773
7.	Chi phí tài chính	22	VL4	83,600,473,168	136,273,323,399	424,000,814,664	402,046,481,459
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		77,464,138,356	129,797,897,249	416,734,888,813	340,901,136,561
8.	Chi phí bán hàng	24	VL5	118,929,456,748	96,942,563,634	400,373,332,018	317,523,408,035
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	30,135,037,064	26,089,089,785	112,014,816,015	98,280,361,276
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19,851,091,792	72,770,635,498	116,817,474,919	330,802,975,374
11.	Thu nhập khác	31	VL7	1,953,903,360	17,346,969,869	4,189,218,760	8,239,870,443
12.	Chi phí khác	32	VL8	4,515,870,554	11,038,648,375	5,178,097,619	1,575,586,366
13.	Lợi nhuận khác	40		(2,561,967,194)	6,308,321,494	(988,878,859)	6,664,284,077
14.	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		-	-	-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		17,289,124,598	79,078,956,992	115,828,596,060	337,467,259,451
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	V.19	6,531,248,977	12,970,711,178	18,134,745,794	52,822,946,649
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	V.19	(1,513,414,312)	2,039,367,276	7,514,915,757	946,468,498
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		12,271,289,933	64,068,878,538	90,178,934,509	283,697,844,304
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số			286,662,090	2,791,059,814	(787,836,202)	8,299,668,203
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			11,984,627,843	61,277,818,724	90,966,770,711	275,398,176,101
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VL10	171	875	1,300	3,934

Kế Toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Lưu Minh Trung

Lê Văn Diệp

Cà Mau ngày 15 tháng 02 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THUỶ SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**QUÝ IV NĂM 2012****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		115,828,596,060	337,467,259,451
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	148,374,487,858	92,172,726,929
-	Các khoản dự phòng	03		(93,366,363,862)	87,476,978,265
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(858,556,660)	(6,214,609,921)
-	Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	713,800,200
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(54,343,067,949)	(40,159,265,990)
-	Chi phí lãi vay	07		416,734,888,813	340,901,136,561
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		532,369,984,260	812,358,025,495
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42,600,880,614)	(148,950,150,039)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		163,200,386,873	(1,180,515,168,705)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(185,340,335,311)	263,394,303,425
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16,710,816,154	-
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(418,183,987,155)	(352,121,786,264)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(11,418,174,502)	(64,297,557,844)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	245,705,520	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(46,777,102,348)	(56,989,034,976)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8,206,412,877	(727,121,368,908)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(143,670,638,981)	(782,724,873,995)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(98,830,000,000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22,874,000,000	7,340,555,968
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(600,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		190,455,294,118	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,720,000	37,913,579,798
8.	Tiền thu từ các khoản ký gửi, ký quỹ dài hạn	28		24,085,190,771	11,876,818,345
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,066,434,092)	(726,193,919,884)



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	900,000,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16, 23	7,802,582,124,162	8,799,853,014,423
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16, 23	(7,587,280,111,596)	(6,991,132,607,902)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,094,297,579)	(6,680,123,049)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>209,207,714,987</u>	<u>1,802,940,283,472</u>
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		212,347,693,772	349,624,994,680
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		1,092,050,143,361	741,370,744,436
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		860,272,130	1,054,404,245
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	<u>1,305,258,109,263</u>	<u>1,092,050,143,361</u>

Kế Toán trưởng

Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 15 tháng 2 năm 2013

Phó tổng giám đốc



Lê Văn Điệp



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý, Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang, Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú, Công ty TNHH ITV nuôi tôm sinh thái Minh Phú, Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An, Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền và Mseafood Corporation, (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – chế biến- thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua, chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Trồng các loại thủy sản dưới nước; Sản xuất kinh doanh giống thủy sản. Kinh doanh tòa nhà cao ốc và văn phòng cho thuê.
4. **Tổng số các công ty con được hợp nhất** : 10
5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Khu Công nghiệp phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	97,50 %	97,50 %
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Ấp Thạnh Điền, xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	95,00%	95,00%
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	99,10%	99,10%
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	98,50%	98,50%
Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	97,50%	97,50%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	100%	100%
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Ấp An Bình, xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	100%	100%
Công ty TNHH ITV nuôi			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền		100%	100%
Mseafod Corporation	California – Hoa Kỳ	90,00%	90,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn thủy hải sản Minh Phú đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).
- Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 27 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 43 – 50 năm, chi phí đền bù giải tỏa, san lấp mặt bằng được khấu hao trong 04 - 12 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-10 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

17. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

18. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Mseafood

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Công ty không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Công ty vẫn không có lợi nhuận chịu thuế. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Minh Phú – Hậu Giang vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép Công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2010 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2011 đến năm 2019.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2011 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2018.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú –Lộc An

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Lộc An có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Lộc An cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Công ty không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi công ty không có lợi nhuận chịu thuế. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Minh Phú – Lộc An vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024.

Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền

Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú –Hòa Điền được áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác chịu thuế suất 25%.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 05 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý liên quan đến giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả phát sinh trong quá trình mua cơ sở ở nước ngoài được coi là tài sản của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú và được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày mua.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày :	01/01/2012	:	20.828 VND/USD
	31/12/2012	:	20.838 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.716.810.558	8.768.451.368
Tiền gửi ngân hàng	37.768.307.949	98.892.524.839
Các khoản tương đương tiền (*)	1.263.772.990.756	984.389.167.154
Cộng	<u>1.305.258.109.263</u>	<u>1.092.050.143.361</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	17.053.758.618	11.267.580.000
- Cổ phiếu	11.267.580.000	11.267.580.000
- Quỹ tầm nhìn SSI (*)	5.786.178.618	-
Đầu tư ngắn hạn khác	126.899.447.714	78.493.726.370
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống (**)	119.153.170.936	70.747.449.592
- Đầu tư ngắn hạn khác	7.746.276.778	7.746.276.778
Cộng	<u>143.953.206.332</u>	<u>89.761.306.370</u>

(*) Khoản đầu tư vào Quỹ tầm nhìn SSI được chuyển sang từ đầu tư dài hạn. Phần còn lại sau khi quỹ đã được quyết toán vào ngày 14/11/2012.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Chi nhánh Ngân hàng thương mại.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012</u>
Số dư đầu năm	9.924.080.000
Tăng dự phòng trong kỳ	46.661.800.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(46.803.600.000)
Số dư cuối kỳ	9.782.280.000

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	60.895.212.161	38.371.992.658
Các khách hàng nước ngoài	486.705.521.747	402.090.653.998
Cộng	<u>547.600.733.908</u>	<u>440.462.646.656</u>

Khoản phải thu khách hàng được dùng để đảm bảo khoản vay tại các ngân hàng thương mại thuyết minh V.23.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	23.027.573.930	26.623.743.207
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	26.055.828
Cộng	<u>23.027.573.930</u>	<u>26.649.799.035</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay dự thu	4.430.530.163	6.433.402.240
Phải thu người lao động (*)	9.380.876.332	10.095.418.099
Các khoản phải thu khác	8.724.005.432	2.489.564.528
Cộng	22.535.411.927	19.018.384.867

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi, và được hoàn trả khi có yêu cầu.

6. Dự Phòng phải thu khó đòi

Số đầu năm	13.418.670.092
Trích lập trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	(3.320.688.012)
Số cuối kỳ	10.097.982.080

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	108.271.164.877	103.750.646.540
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	86.939.795.679	19.757.428.416
Thành phẩm	1.517.492.703.618	1.616.140.214.273
Hàng hóa	586.658.277.024	722.914.038.842
Cộng	2.299.361.941.198	2.462.562.328.071

Hàng tồn kho được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (thuyết minh V.23).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số đầu năm	53.753.010.514
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	5.183.503.238
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(46.187.379.088)
Số cuối năm	12.749.134.664

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ với thời gian không quá 01 năm.

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho nhân viên (*)	51.808.029.928	45.857.582.579
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	33.017.391	2.463.822.527
Cộng	52.841.047.319	48.321.405.106

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền tạm ứng cho nhân viên để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

12. Phải thu dài hạn khác

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế chống bán phá giá tạm nộp (*)	108.674.945.632	92.225.592.536
Cộng	112.489.382.844	92.225.592.536

- (*) Theo Luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty cổ phần Mseafood, một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ thương mại Hoa kỳ (DOC). Hàng năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo thuế suất tạm tính do DOC quy định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	509.701.738.120	941.327.392.968	97.925.735.016	12.381.664.915	1.561.336.531.019
Tăng trong kỳ	89.536.750.474	8.782.633.242	20.963.804.669	4.170.294.307	123.453.482.692
Mua sắm mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	89.536.750.474	8.782.633.242	20.963.804.669	4.170.294.307	123.453.482.692
Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
Thanh lý		4.484.105.635	1.104.356.273		5.588.461.908
Số cuối kỳ	599.238.488.594	954.594.131.845	119.993.895.958	16.551.959.222	1.690.378.475.619
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.435.309.815	64.345.479.561	177.727.619	2.908.177.238	81.866.694.233
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	49.919.534.589	167.644.522.149	15.065.302.238	5.400.768.107	238.030.127.083
Tăng trong kỳ	37.398.219.800	93.015.887.316	15.128.887.609	986.147.137	146.529.141.862
Khấu hao trong kỳ	37.398.219.800	93.015.887.316	15.128.887.609	986.147.137	146.529.141.862
Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
Thanh lý		391.797.594	55.218.814		447.016.408
Số cuối kỳ	87.317.754.389	261.052.207.059	30.249.408.661	6.386.915.244	385.006.285.353
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	459.782.203.531	773.682.870.819	82.860.432.778	8.980.896.808	1.323.306.403.936
Số cuối kỳ	511.920.734.205	693.541.924.786	89.744.487.297	10.165.043.978	1.305.372.190.266
Trong đó:	-	-	-	-	-
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.539.632.188	2.356.547.291	60.896.179.479
Mua sắm mới và đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	28.739.727.404	14.985.000	28.754.712.404
Số cuối kỳ	87.279.359.592	2.371.532.291	89.650.891.883
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.098.382.632	151.895.003	2.250.277.635
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.138.077.044	695.911.742	3.833.988.786
Khấu hao trong kỳ	1.105.026.902	293.302.686	1.398.329.588
Số cuối kỳ	4.243.103.946	989.214.428	5.232.318.374
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	55.401.555.144	1.660.635.549	57.062.190.693
Số cuối kỳ	83.036.255.646	1.382.317.863	84.418.573.509
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012

Số dư đầu năm	268.310.020.664
Tăng trong kỳ	139.123.951.862
Chuyển sang tài sản trong kỳ	(153.249.969.885)
Số dư cuối kỳ	254.184.002.641

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300108975 ngày 24 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, vốn góp của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang là 80.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đã đầu tư 2.180.000.000 VND, tương đương 0,79% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cảng Minh Phú Hậu Giang. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang là 78.420.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ tầm nhìn SSI ^(a)	-	200.000.000.000
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau ^(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	207.000.000.000

^(a) Khoản đầu tư vào Quỹ tầm nhìn SSI được chuyển sang đầu tư ngắn hạn do quỹ sẽ được quyết toán vào ngày 14/11/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

(b) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu năm	(49.011.246.470)
Tăng dự phòng trong kỳ	
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn ^(a)	46.520.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	2.380.000.000
Số dư cuối kỳ	(111.246.470)

(a) Khoản dự phòng Quỹ tầm nhìn SSI được chuyển sang dự phòng đầu tư ngắn hạn.

19. Lợi thế thương mại

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2008, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú mua lại 90% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Mseafood Corporation, một công ty được thành lập tại Hoa Kỳ chuyên mua bán mặt hàng thủy sản được nhập từ các công ty tại Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ. Lợi thế thương mại phát sinh vào ngày mua trị giá USD 1,819,459.00 (tương đương 30.888.957.000 VND) đã được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	19.820.413.886
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ trong kỳ	(3.088.895.700)
Số cuối kỳ	16.731.518.186

20. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	105.904.990.453
Tăng trong kỳ	7.905.508.258
Phân bổ trong kỳ	(22.753.485.614)
Số cuối kỳ	91.057.013.097

Khoản chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí trả tiền thuê đất phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản tại công con Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An và phần chi phí trả trước công cụ, dụng cụ và chi phí thành lập công ty Công ty chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang.

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

22. Tài sản dài hạn khác

Là Khoản ký quỹ có lãi suất tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí trong vụ kiện chống bán phá giá tôm của Mseafood Corporation.

23. Vay và nợ ngắn hạn

Số cuối kỳ

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ^(a)	85.435.800.000	382.074.974.043
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (b)	2.668.699.017.232	2.106.331.442.764
Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải	-	107.227.118.389
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ©	214.093.196.136	30.784.602.752
Vay Ngân Hàng HSBC (VN) ^(d)	99.341.026.156	-
Vay dài hạn đến hạn trả ^(e)	101.037.360.000	309.821.552.664
Trái phiếu đến hạn trả ^(f)	200.000.000.000	-
Vay Ngân hàng nước ngoài	83.312.000.000	-
Cộng	<u>3.451.918.399.524</u>	<u>2.936.239.690.612</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình, hàng tồn kho và các khoản phải thu tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, một số máy móc thiết bị, hàng tồn kho và các khoản phải thu tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (d) Khoản vay Ngân Hàng HSBC(VN) dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho tương ứng với tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Nhà Máy chế biến thủy sản Hậu Giang dùng để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Khoản vay này được thế chấp bằng hàng tồn kho.
- (f) Trái phiếu Vietinbank đến hạn trả: Là khoản trái phiếu ghi sổ, không chuyển đổi kỳ hạn 03 năm, phát hành ngày 22 tháng 12 năm 2010, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 22 tháng 12 năm 2013.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	2.936.239.690.612
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	10.329.594.547.327
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(9.813.915.838.415)
Số cuối kỳ	<u>3.451.918.399.524</u>

24. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	127.172.387.778	205.721.523.077
Các nhà cung cấp nước ngoài	12.475.645.758	107.902.408.660
Cộng	<u>139.648.033.536</u>	<u>313.623.931.737</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

25. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	11.380.972.450	1.453.343.850
Các khách hàng nước ngoài	6.419.965.857	6.153.938.665
Cộng	17.800.938.307	7.607.282.515

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	49.009.056.360	247.744.732.689	(296.706.516.049)	47.273.000
Thuế nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.585.240.621	27.890.991.411	(16.123.837.797)	26.352.394.235
Thuế thu nhập cá nhân	624.027.783	3.926.276.077	(3.489.155.648)	1.061.148.212
Các loại thuế khác	-	20.033.700	-	20.033.700
Cộng	64.218.324.764	279.582.033.877	(316.319.509.494)	27.480.849.147

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Muối tinh chế, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tôm giống	Không chịu thuế
- Tôm nguyên liệu, tôm sơ chế, thức ăn nuôi tôm	5%
- Thành phẩm tôm đã hấp chín	10%

Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản và sản xuất tôm giống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng nên thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty TNHH thủy sản Minh Phú - Kiên Giang và Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú, Công ty TNHH 1TV nuôi tôm sinh thái Minh Phú, Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú Lộc An, Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điện không được khấu trừ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

27. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

28. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.794.769.163	20.538.118.151
Trích trước thuế chống phá giá	70.986.855.204	70.649.554.916
Cộng	75.781.654.367	91.187.673.067

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất	1.961.964.052	811.254.333

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
nghiệp, kinh phí công đoàn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.000.000.000	14.000.000.000
Chi phí lãi trái phiếu Vietinbank phải trả	18.861.111.111	14.999.132.716
Hoa hồng môi giới xuất khẩu	408.850.347	525.903.707
Tiền thuê đất		-
Các khoản phải trả khác	6.451.838.414	4.705.589.932
Cộng	38.683.763.924	35.041.880.688

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	
Số đầu năm	64.543.448.600
Tăng trong kỳ	52.719.144.634
Chi quỹ	(27.846.009.202)
Số cuối kỳ	89.416.584.032

31. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(a)	328.799.101.998	429.764.991.861
Trái phiếu ^(b)	500.000.000.000	700.000.000.000
Cộng	828.799.101.998	1.129.764.991.861

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú Hậu Giang. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Trái phiếu Vietinbank ghi sổ không chuyển đổi kỳ hạn 03 năm, phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2011, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 03 năm 2014.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn	429.764.991.861	92.892.412.458	(193.858.302.321)	-	328.799.101.998
Trái phiếu	700.000.000.000	-	-	(200.000.000.000)	500.000.000.000
Cộng	1.129.764.991.861	92.892.412.458	(193.858.302.321)	(200.000.000.000)	828.799.101.998

32. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
Số đầu năm	3.710.923.688
Số trích lập bổ sung	1.634.044.628
Số đã chi	(1.687.176.827)
Số cuối năm	3.656.891.489

33. Vốn chủ sở hữu	
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu	700.000.000.000			700.000.000.000
Thặng dư cổ phần	177.876.869.236			177.876.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.506.239.451	653.004.096		89.159.243.547
Lợi nhuận chưa phân phối	531.210.227.608	90.966.770.711	(101.277.005.208)	520.899.993.111
Quỹ đầu tư và phát triển	41.298.066.764	36.879.571.625	(19.379.928.631)	58.797.709.758
Quỹ dự phòng tài chính	-	13.769.908.805		13.769.908.805
Tổng cộng	1.538.891.403.059	142.269.255.237	(120.656.933.839)	1.560.503.724.457

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	71.839.871.991	78.722.005.772
Cộng	71.839.871.991	78.722.005.772

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Tổng doanh thu	2.130.717.443.266	7.845.863.103.737
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Hàng bán bị trả lại	(9.125.707.184)	47.653.427.418
Doanh thu thuần	2.121.591.736.082	7.798.209.676.319

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, vật tư đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1617.990.337	8.539.945.861
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	307.182.261	1.226.093.638
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.811.905.746	56.965.089.123
Cổ tức được nhận	2.185.000	19.720.000
Cộng	17.739.263.344	66.750.848.622

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	77.464.138.356	416.734.888.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.588.177.478	5.254.407.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	803.810.070	1.074.790.705
Hoàn nhập dự phòng	3.744.347.264	936.727.264
Cộng	83.600.473.168	424.000.814.664

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí cho nhân viên	2.643.449.853	11.049.419.373

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	367.867.621	2.205.403.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.429.170	258.383.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.075.754.851	325.964.096.266
Chi phí khác	16.780.955.253	60.896.029.544
Cộng	118.929.456.748	400.373.332.018
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí cho nhân viên	7.835.091.400	41.764.865.994
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	717.615.448	1.523.850.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.297.751.634	29.728.100.983
Chi phí thuế, phí và lệ phí	79.201.862	1.262.462.573
Chi phí dịch vụ mua ngoài	744.250.193	10.186.722.655
Chi phí khác	13.461.126.527	27.548.813.449
Cộng	30.135.037.064	112.014.816.015
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Thu nhập khác	1.953.903.360	4.189.418.760
Cộng	1.953.903.360	4.189.418.760
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Chi phí khác	4.515.870.554	5.178.097.619
Cộng	4.515.870.554	5.178.097.619
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.984.627.843	90.966.770.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.984.627.843	90.966.770.711
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	171	1.300
<i>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:</i>		
	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	70.000.000	70.000.000
10. Các công cụ tài chính		

11. (a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.302.541.298.705	1.083.281.691.993
Tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	98.830.000.000	70.747.449.592
Tài sản dài hạn khác	(ii)	1.213.969	4.556.157.655
Các khoản cho vay	(iii)	7.746.276.778	7.746.276.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iv)	570.136.145.835	446.062.361.431
		1.979.254.935.287	1.612.393.937.449

(ii) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản dài hạn khác

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản dài hạn khác của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Khoản cho hộ nuôi tôm vay

Khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

(iv) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu năm	13.418.670.092
Tăng dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập	(3.320.688.012)
Số dư cuối kỳ	10.097.982.080

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	USD	
	31/12/2012	31/12/2011
Tiền và các khoản tương đương tiền	663.839	1.292.170
Phải thu khách hàng	27.255.319	17.578.319
Các tài sản tiền tệ khác	50.151	333.861
Phải trả người bán	(74.328)	(5.180.642)
Vay ngắn hạn	(134.166.794)	(5.185.544)
Vay dài hạn	(6.172.790)	(11.667.014)
	(112.444.603)	(2.828.850)

Tỷ giá ngoại tệ được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1 USD	20.838	20.828

Sự suy yếu 1% của VND đối với USD vào thời điểm cuối kỳ (2011: suy yếu 10%) có thể ảnh hưởng đến khoản lợi nhuận thuần như được trình bày dưới đây. Việc đánh giá này giả sử tất cả các tham biến khác, cụ thể là lãi suất, không thay đổi.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Giảm lợi nhuận thuần	(19.714.091.762)	(10.154.884.413)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	1.263.772.990.756	984.389.167.154
Tiền gửi có kỳ hạn	98.830.000.000	70.747.449.592
Tài sản dài hạn khác	1.213.969	4.556.157.655
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	-	(200.000.000.000)
	1.362.604.204.725	859.692.774.401
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	38.768.307.949	98.892.524.839
Các khoản vay ngắn hạn	(3.451.918.399.524)	(2.736.239.690.612)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Vay dài hạn	(328.799.101.998)	(429.764.991.861)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	(500.000.000.000)	(700.000.000.000)
	(4.241.949.193.573)	(3.767.112.157.634)

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi khiến Tập đoàn chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Tập đoàn không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ tài chính ngắn hạn xấp xỉ giá trị hợp lý do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ này.

Giá trị hợp lý của trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi và vay dài hạn - được phân loại là nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị phân bổ - dựa trên giá trị hiện tại của các dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 không khác biệt nhiều so với giá trị ghi sổ.

Tập đoàn không xác định được giá trị hợp lý của tài sản và nợ dài hạn khác nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phải sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.355.690.090.617	6.495.407.415.427
Chi phí nhân công	190.304.552.567	504.107.305.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.423.972.516	172.105.523.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.911.509.835	427.701.350.011
Chi phí khác	41.924.607.682	194.846.764.946

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

	<u>Kỳ báo cáo</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm</u>
Cộng	<u>1.739.254.733.217</u>	<u>7.794.168.360.303</u>

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo công nợ liên quan giữa các bên trong tập đoàn như sau :

1. Công nợ phải thu

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (Công ty mẹ)

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	7.070.985.600
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	16.667.612.249
3	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	17.077.655.200
4	Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	476.464.938
5	Công ty Mseafood Corporation	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	179.605.045.437
	Tổng cộng		220.897.763.424

b. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	170.213.575.494
2	Công ty Mseafood Corporation	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	180.135.713.447
	Tổng cộng		350.349.288.941

c. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	25.740.519.338
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	20.871.064.672
	Tổng cộng		46.611.584.010

d. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	520.000.000
	Tổng cộng		520.000.000

e. Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	926.361.019
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.146.465.200
3	Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	258.764.500
	Tổng cộng		2.331.590.719

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

f. Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	287.798.314.474
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quí	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	27.952.129.532
3	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	830.672.329
	Tổng cộng		316.581.116.335

g. Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.199.063.000
2	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	7.400.000
3	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	516.760.000
4	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.288.500.000
	Tổng cộng		3.011.723.000

h. Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	444.643.856
2	Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	474.950.549
	Tổng cộng		919.594.405

i. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Thu tiền bán hàng và dịch vụ	1.439.729.459
	Tổng cộng		1.439.729.459

Tổng công nợ phải thu là : 942.662.390.293

2. Công nợ phải trả

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (Công ty mẹ)

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quí	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	170.213.575.494
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	25.740.519.338
3	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	287.798.314.474
	Tổng cộng		483.752.409.306

b. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quí

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	20.871.064.672
2	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	27.952.129.532
	Tổng cộng		48.823.194.204

c. Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	830.672.329
	Tổng cộng		830.672.329

d. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	7.070.985.600
2	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	926.361.019
3	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.199.063.000
	Tổng cộng		9.196.409.619

e. Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	7.400.000
2	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	444.643.856
3	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.439.729.459
	Tổng cộng		1.891.773.315

f. Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	16.667.612.249
2	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.146.465.200
3	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	516.760.000
	Tổng cộng		18.330.837.449

g. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	17.077.655.200
2	Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	1.288.500.000
	Tổng cộng		18.366.155.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
 Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

h. Công ty Mseafod Corporation

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	179.605.045.437
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	180.135.713.447
	Tổng cộng		359.740.758.884

i. Công ty TNHH 1TV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	476.464.938
2	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	520.000.000
3	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	258.764.500
4	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Trả tiền mua hàng và dịch vụ	474.950.549
	Tổng cộng		1.730.179.987

Tổng công nợ phải trả là : 942.662.390.293

3. Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Phải trả ứng trước tiền bán hàng và dịch vụ	532.206.110
	Tổng cộng		532.206.110

4. Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ

a. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải thu ứng trước tiền mua hàng và dịch vụ	532.206.110
	Tổng cộng		532.206.110

5. Phải thu khác

a. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Phải thu tiền cổ tức	23.413.037.776
2	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Phải thu tiền góp vốn thừa	21.639.788.414
	Tổng cộng		45.052.826.190

Tổng công nợ phải thu khác là : 45.052.826.190

6. Phải trả khác

b. Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải trả tiền cổ tức	23.413.037.776
	Tổng cộng		23.413.037.776

c. Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An

stt	Tên bên giao dịch liên quan	Nội dung	Số tiền
1	Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú	Phải thu tiền góp vốn thừa	21.639.788.414
	Tổng cộng		21.639.788.414

Tổng công nợ phải trả khác là : 45.052.826.190

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thay đổi chính sách kế toán

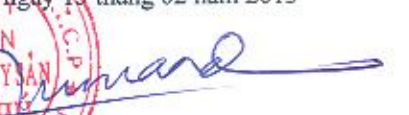
Năm 2011, trong phạm vi có liên quan, các Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.


Lưu Minh Trung
Kế Toán trưởng



Cà Mau, ngày 15 tháng 02 năm 2013


Lê Văn Diệp
P. Tổng Giám đốc